

Thời gian : 18h15 - 02/08/2025 - Phòng : 128 - Cơ sở: 209 Phan Thanh

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                        |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 29204654545 | Lưu Khánh Ly           | 20/01/2004 | Hà Tĩnh    | 31CSC4 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28204937818 | Nguyễn Hiền Lan Anh    | 24/08/2004 | Đà Nẵng    | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28214601250 | Phạm Hữu Đạo           | 02/03/2004 | Quảng Ngãi | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 27205351179 | Trịnh Thị Thanh Diễm   | 25/10/2003 | Quảng Ngãi | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 29214121507 | Nguyễn Văn Hải         | 13/12/2004 | Quảng Trị  | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28207150474 | Trần Kiều Ngọc Hiếu    | 08/12/2004 | Đà Nẵng    | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 27212237511 | Võ Thành Khoa          | 16/09/2003 | Quảng Nam  | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 27215245578 | Nguyễn Thị Phương Ly   | 13/10/2003 | Đà Nẵng    | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28204900448 | Nguyễn Thiên Ngân      | 20/10/2004 | Đà Nẵng    | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208004386 | Trần Thị Phúc          | 10/09/2004 | Quảng Nam  | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 29204361320 | Võ Thị Ánh Quyên       | 27/08/2005 | Quảng Nam  | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 29212320073 | Hà Ngọc Sang           | 25/03/2005 | Bình Định  | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28204651737 | Trần Thái Thanh        | 11/05/2004 | Quảng Trị  | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28206252562 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 04/06/2004 | Nghệ An    | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 29204623668 | Phạm Huyền Bảo Trâm    | 22/09/2005 | Đà Nẵng    | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28206247220 | Nguyễn Thị Kiều Trân   | 02/10/2004 | Gia Lai    | 31SHT5 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 25216109604 | Võ Đặng Khánh Huy      | 08/06/2001 | Quảng Bình | 28TYC8 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 07/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 02/08/2025 - Phòng : 129 - Cơ sở: 209 Phan Thanh*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                       |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 27213138418 | Nguyễn Đắc Tuấn       | 08/05/2002 | Quảng Nam  | 31SHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28209327165 | Nguyễn Thị Lành       | 19/11/2004 | Quảng Nam  | 31TSC7 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 25215310834 | Lê Văn Bằng           | 16/05/2001 | Gia Lai    | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 26205342429 | Huỳnh Thị Linh Chi    | 03/07/2002 | Bình Định  | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 27215302066 | Nguyễn Cảnh Duy       | 22/07/2003 | Nghệ An    | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 26211542695 | Đình Hoàng Giang      | 21/09/2002 | Quảng Bình | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 26215433380 | Trần Khải Hoàn        | 01/12/2002 | Quảng Bình | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 27214326866 | Trần Huy Hoàng        | 26/01/2003 | Huế        | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 27211231051 | Trần Quốc Hưng        | 05/07/2003 | Kon Tum    | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 26215339279 | Huỳnh Nam Huy         | 07/11/2002 | Phú Yên    | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 27211329762 | Lê Huy Khiêm          | 10/08/2002 | Đắk Lắk    | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28206551553 | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 25/10/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 27204330443 | Lê Thị Hạnh Nguyên    | 25/03/2003 | Quảng Nam  | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 27216734849 | Lê Tây Nguyên         | 24/06/2003 | Đắk Lắk    | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 28214604224 | Đồng Xuân Nguyên      | 29/08/2004 | Lâm Đồng   | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 27204329543 | Nguyễn Thủy Nhật      | 04/09/2003 | Đắk Lắk    | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 26215333896 | Phạm Đình Phú         | 27/12/2002 | Quảng Bình | 31TYC8 |       |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 07/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 02/08/2025 - Phòng : 207 - Cơ sở: 209 Phan Thanh*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                  |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 26215334948 | Lương Hoàng      | Phúc      | 27/05/2002 | Đắk Lắk    | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 2  | 27211321850 | Thái Thiện       | Tâm       | 26/12/2003 | Đà Nẵng    | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 3  | 26215339331 | Phạm Ngọc        | Thạch     | 01/11/2002 | Vũng Tàu   | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 4  | 27216700892 | Lê Văn           | Thành     | 26/08/2003 | Quảng Nam  | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 5  | 26215339339 | Lê Quang         | Thịnh     | 17/08/2001 | Bình Định  | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 6  | 28206524226 | Trần Nguyễn Thu  | Thủy      | 03/05/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 7  | 27215352590 | Lê Đức           | Tiến      | 04/09/2003 | Gia Lai    | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 8  | 28212728575 | Võ Đăng          | Tiến      | 27/07/2004 | Đà Nẵng    | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 9  | 28207103182 | Nguyễn Thị Khánh | Trâm      | 26/04/2003 | Gia Lai    | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 10 | 26205336291 | Nguyễn Thanh     | Trúc      | 01/04/2002 | Phú Yên    | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 11 | 26215334628 | Nguyễn Nhật      | Trường    | 21/04/2002 | Quảng Ngãi | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 12 | 28207430780 | Nguyễn Thị Minh  | Tú        | 15/01/2004 | Đắk Lắk    | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 13 | 26205436390 | Đỗ Thị Bích      | Vân       | 06/01/2002 | Bình Định  | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 14 | 27205343035 | Phạm Trần Nhật   | Vi        | 23/11/2002 | Đắk Lắk    | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 15 | 27207138543 | Trần Hoàng Ái    | Vi        | 22/04/2003 | Quảng Trị  | 31TYC8 |        |        |      |     |         |
| 16 | 27205337717 | Nguyễn Thị Nhật  | Ý         | 12/02/2003 | Quảng Nam  | 31TYC8 |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**